TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 49/2017/HSST
Ngày 27 – 10 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Ông Nguyễn Duy Tuân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng, cán bộ Toà án huyện A, thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Tăng Văn Lanh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2017/HSST ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Thị T, sinh năm 1981 tại Y; ĐKHKTT: Tổ 1, phường T, thị xã N, T2 Y và trú tại: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Không; Văn hóa: 12/12; Con ông Trần Hồng T1 (đã chết), con bà Đỗ Thị L, sinh năm 1957; Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự; Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 29 tháng 6 năm 2017, tạm giam ngày 07 tháng 7 năm 2017; Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Thị T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 9 giờ 15 phút ngày 29 tháng 06 năm 2017, Công an huyện A kiểm tra bắt quả tang Trần Thị T, sinh 1981, trú tại thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng có hành vi bán trái phép chất ma túy cho hai đối tượng: Lê Ngọc P sinh 1970 ở thôn Đ, xã A và Tống Văn T2 sinh 1963 ở thôn N, xã A1, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vật chứng thu giữ gồm : Thu 02 gói ma túy trong túi áo ngực trái Lê Ngọc P ; thu 02 gói ma túy trong túi áo ngực trái Tống Văn T2; số tiền 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng) trong người T2 là số tiền T2 vừa bán ma túy cho Phòng và T2 và 16 gói nhỏ chứa chất bột màu trắng dưới nền nhà nơi T2 đứng. Khám xét khẩn cấp nhà T2 thu 01 cân tiểu ly và một dao tem.

Tại bản kết luận giám định số 852/KLGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

Chất bột màu trắng của mẫu số 01QT(thu của T2) gửi giám định có heroin. Trọng lượng heroin có trong 0,0573gam chất bột là 0,0362 gam.

Chất bột màu trắng của mẫu số 02QT(thu của Phòng) gửi giám định có heroin. Trọng lượng heroin có trong 0,0570gam chất bột là 0,0357 gam .

Chất bột màu trắng của mẫu số 03QT(thu của T2) gửi giám định có heroin. Trọng lượng heroin có trong 1,2838 gam chất bột là 0,8156 gam. Heroin là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT: 20, nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của chính phủ.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Trần Thị T khai nhận:

Sáng ngày 25 tháng 6 năm 2017, Trương Ngọc C sinh 1973 là chồng của Trần Thị T3 (chị gái T2) ở cùng nhà với T2 đưa cho T2 một túi ni lon chứa 20 gói heroin nhờ T2 bán hộ với giá 100.000đ/01gói nhỏ,T2 đồng ý. Đến sáng ngày 29 tháng 6 năm 2017, Lê Ngọc P và Tống Văn T2 đến hỏi mua ma túy, T2 đã bán cho hai đối tượng trên mỗi người hai gói heroin giá 100.000đ/01gói thu 400.000đ. Khi cơ quan Công an ập vào bắt giữ, T2 đã hoảng sợ ném luôn số Heroin còn lại (16 gói) xuống nền nhà. Về chiếc cân tiểu ly, một dao tem thu giữ khi khám xét khẩn cấp, T2 khai không biết chiếc cân, dao tem của ai. Khi bị Công an kiểm tra bắt giữ và thu giữ số ma túy bị cáo vừa bán trên người của Phòng và T2 và 16 gói ma túy bị cáo đã vứt xuống nền nhà như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác định hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, việc truy tố và xét xử bị cáo là đúng người đúng tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Công bố lời khai nhân chứng tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

Bản Cáo trạng số 46/CT-VKS, ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Trần Thị T về tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội đối với bị cáo. Qua quan điểm phát biểu, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 07 (Bẩy) năm đến 07(Bẩy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Phạt bị cáo Trần Thị T 5.000.000đ sung quỹ nhà nước.

Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 01 cân tiểu ly, 01 dao tem, Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 400.000đ.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Tổ công tác Công an huyện A, thành phố Hải Phòng lập hồi 8 giờ 00 phút ngày 29 tháng 6 năm 2017 tại thôn V, xã A, huyện A, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp bản kết luận giám định số 852/KLGĐ ngày 30 ngày 6 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng cùng số vật chứng đã được thu hồi, kết hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thị T đã có hành vi mua bán bất hợp pháp chất ma túy cho những người nghiện sử dụng tại thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lê Ngọc P và Tống Văn T2 có trọng lượng 0,8875gam Heroine của bị cáo Trần Thị T đã phạm tội *" Mua bán trái phép chất ma tuý"* vi phạm Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma tuý không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, trí lực của con người, mà từ ma tuý đã làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm hoạ đối với mọi gia đình và xã hội. Về nhân thân bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý. Do vậy, đối với hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục và phòng ngừa C.

Về tình tiết định khung hình phạt: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có hồ sơ và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa xác định ngày 29 tháng 6 năm 2017 bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Lê Ngọc P và Tống Văn T2. Như vậy, hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, ông Trần Hồng Thái là bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, thương binh bậc 4/4 nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Thành khẩn khai báo* " quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung*:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự bị cáo có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ để sung quỹ Nhà nước. Xét bị cáo phạm tội do vụ lợi nên phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt là thỏa đáng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ số ma tuý bị cáo mua bán, 01 dao lam, 01 cân tiểu ly và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng). Số ma túy còn lại sau giám định và số vật chứng trên được chuyển giao cho Chi cục Thi hành án quản lý. Xét ma tuý là vật cấm lưu hành, sử dụng và 01dao lam, 01 cân tiểu ly không còn giá trị nên tịch thu tiêu huỷ, số tiền 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) là khoản tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với Lê Ngọc P và Tống Văn T2 là người mua Heroin của T2 để sử dụng nhưng lượng ma túy chưa đến mức xử lý hình sự, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự về các tội phạm về ma túy nên Công an huyện A ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có căn cứ.

Theo lời khai của Trần Thị T, nguồn gốc số ma túy T2 bán cho Phòng và Tình là của Trương Ngọc C, sinh năm 1973 (anh rể T2) nhờ bán hộ. Xác minh Trương Ngọc C đã chết ngày 20 tháng 8 năm 2017 nên Cơ quan điều tra không khởi tố.

Về án phí*:* Bị cáo Trần Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội " *Mua bán trái phép chất ma tuý* ".

Áp dụng điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Trần Thị T 07 (Bẩy) năm 06(Sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 29 tháng 6 năm 2017

Phạt tiền bị cáo Trần Thị T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng các điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm b, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự

Tịch thu tiêu huỷ 01chiếc cân tiểu ly, 01 dao lam và 01 bì thư dán kín được niêm phong trên ghi mẫu hoàn trả (mẫu 1QT + 2QT+ 3QT) có chữ ký niêm phong của Trần Thị T, Tống Văn T2, Lê Ngọc P và thành phần tham gia niêm phong, đóng dấu niêm phong số 852/PC54 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng trong chứa vỏ mẫu vật và chất bột hoàn lại sau giám định thu của Trần Thị T, Tống Văn T2, Lê Ngọc P.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng được xác định tại biên bản bàn giao nhận vật chứng ngày 02 tháng 10 năm 2017).

3. Về án phí**:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phạt nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Bị cáo Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Sở T- pháp;
- Phòng PV 27, PC81 CATP;
- VKSND huyện An D- ơng;
- Công an huyện An D- ơng;
- Chi cục THADS huyện An D- ơng;
- Những ng- ời tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- L- u: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hương